

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 355/2019/HS-ST

Ngày: 06-8-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh

2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Như Nền- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 361/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2019/ QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Mai Văn L; sinh ngày 28 tháng 10 năm 1991 tại Thanh H; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú hiện nay: không nơi nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; Tham gia Đảng, đoàn thể: không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha Mai Văn T, sinh năm 1966; họ tên mẹ Đặng Thị H, sinh năm 1969 (đã ly hôn); Họ tên mẹ kế Cao Thị C, sinh năm 1976; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; họ tên vợ Bùi Thị P, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân Mai Văn L bị Tòa án huyện G, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng Bản án số 53/2015/HSST ngày 12/6/2015 về tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 12/12/2018, chuyển tạm giam theo Lệnh số 43 ngày 20/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn L là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/12/2018, L đến khu vực công viên H thuộc phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để chơi thì gặp bạn tên D (không rõ lai lịch). L đòi D trả số tiền 200.000đ do L cho D vay trước đó. Do không có tiền nên D đưa cho L 01 gói ma túy đá để trừ số tiền nợ nêu trên. L đồng ý nhận gói ma túy cất giữ để sử dụng.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, L cất giấu gói ma túy nêu trên trong túi quần sau bên phải Lợi đang mặc rồi đi đến trước nhà số 36A thuộc tổ 8, khu phố 1, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thì bị công an phường H kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong có chữ ký của bị cáo L và dấu mộc đỏ của Công an phường H.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 355774065169048, số thuê bao 0962.800.053 của bị cáo L không liên quan đến vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số 51/PC09-GĐMT ngày 18/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

“ Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy có khối lượng: 0,2170 gam, loại Methamphetamine ”. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1709 gam, được hoàn lại trong niêm phong số 51/PC09-GĐMT.

- + Tại Cáo trạng số 364/CT-VKS-BH ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Mai Văn L về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự .

- + Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Văn L với mức án từ tháng 16 đến 20 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án B tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định;
- Giao trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Imei 355774065169048, số thuê bao 0962.800.053 của bị cáo L không liên quan đến vụ án

- + ***Ý kiến của bị cáo:*** Bị cáo không phát biểu tranh luận và không bào chữa.

- + Trong phần phát biểu lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và hứa không tái phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi được Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát phân tích và đưa ra các chứng cứ chứng minh, bị cáo Mai Văn L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, vào khoảng 13 giờ ngày 12/12/2018, tại khu vực trước nhà số 36A thuộc tổ 8, khu phố 1, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Mai Văn L có hành vi tàng trữ trái phép cất giấu gói ma túy 0,2170 gam, loại Methamphetamine thì bị công an phường H kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo L tại phiên tòa với lời khai của người chứng kiến và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận: sau khi được D đưa cho L 01 gói ma túy đá để trừ số tiền nợ nêu trên, bị cáo L đồng ý nhận gói ma túy cất giữ để sử dụng nên bị cáo L có hành vi tàng trữ trái phép 0,2170 gam, loại Methamphetamine, đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; tội danh và hình phạt như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã viện dẫn và truy tố.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm làm ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống con người và cho chính bản thân bị cáo, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác và lây truyền các căn bệnh hiểm nghèo; làm mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi lượng hình.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo qui định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự qui định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình

phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 0,1709 gam ma túy còn lại sau giám định (trong niêm phong số 51/PC09-GĐMT).

- Giao trả cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 355774065169048, số thuê bao 0962.800.053 do không liên quan đến vụ án.

[9] Đối với đối tượng tên D (chưa rõ lai lịch) đã có hành vi mua bán (gán nợ) trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Mai Văn L** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt: **Mai Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 12/12/2018;**

+ Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, về xử lý vật chứng;

- Tịch thu tiêu hủy 0,1709 gam ma túy còn lại sau giám định (trong niêm phong số 51/PC09-GĐMT).

- Giao trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 355774065169048, số thuê bao 0962.800.053 cho bị cáo L (Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/4/2019).

+ Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./-

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN.
- VKSND TP. B
- CQ- CSĐT Công an TP.B
- T.H.A Hình sự.
- Chi cục THADS TP.B.
- Bị cáo;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Chi

